

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2025/DS-ST

Ngày: 25-3-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Phôi

2. Ông Nguyễn Tấn Bình

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Phong là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐST-DS ngày 04/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Trụ sở: 266 - B N, phường V, Quận C, TP .; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc; Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Tuyết T - Chuyên viên kiểm soát rủi ro- Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B - Phòng G; Địa chỉ: A đường H, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 03/GUQ-PGĐPT ngày 07/01/2025); vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Duy H, sinh năm 2002; Địa chỉ: Tổ B, khu phố E, phường Đ, TP ., tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 12 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do bà Trần Thị Tuyết T trình bày:

Ngày 05/9/2024, anh Phạm Duy H có ký với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B - Phòng G (sau đây viết tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị kèm hợp đồng

phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân số 3442283. Căn cứ thu nhập của khách hàng, Ngân hàng đã đồng ý phê duyệt ngày 05/9/2024 cấp thẻ tín dụng cho anh H, số thẻ 970403-5627, với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 33,2%/năm, lãi quá hạn là 49,788%/năm. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, tính đến hết ngày 24/3/2025 anh H đã thực hiện các giao dịch với số tiền là 50.000.000 đồng, phí (phí trễ hạn là 1.133.898 đồng, phí vượt hạn mức là 294.962 đồng và phí thường niên là 299.000 đồng) là 1.727.860 đồng, tiền lãi là 9.872.265 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, kể từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, anh H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.850.000 đồng. Tuy nhiên, từ tháng 12/2024 anh H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán vốn gốc và lãi đến hạn cho Ngân hàng theo như cam kết. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng anh H không có thiện chí trả nợ. Do anh H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 22/12/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của anh H và chuyển toàn bộ dư nợ (vốn và lãi thẻ tín dụng) còn thiếu thành nợ gốc quá hạn vào ngày 22/12/2024 với số tiền là 58.263.513 đồng. Tính đến ngày 24/3/2025 anh H còn nợ Ngân hàng số tiền là 60.600.275 đồng (trong đó nợ vốn gốc 58.263.513 đồng, nợ lãi quá hạn 2.336.762 đồng). Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa buộc anh H phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 24/3/2025 là 60.600.275 đồng (trong đó nợ vốn gốc 58.263.513 đồng, nợ lãi quá hạn 2.336.762 đồng) và trả tiền lãi phát sinh từ ngày 25/3/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký. Đây là khoản vay nguyên đơn cho cá nhân anh H vay nên nguyên đơn chỉ yêu cầu anh H trả. Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Phạm Duy H: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Phạm Duy H đến Tòa để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên xét xử nhưng anh H vẫn không đến Tòa để làm việc, do đó Tòa không lấy được lời khai của anh Phạm Duy H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 102 Luật các tổ chức tín dụng

năm 2024: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc anh Phạm Duy H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm tính đến ngày 24/3/2025 là 60.600.275 đồng (trong đó nợ gốc 58.263.513 đồng, nợ quá hạn 2.336.762 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất được quy định tại Hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Trần Thị Tuyết T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 24-3-2025. Anh Phạm Duy H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S yêu cầu anh Phạm Duy H phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 24/3/2025 là 60.600.275 đồng (trong đó nợ gốc 58.263.513 đồng, nợ quá hạn 2.336.762 đồng) và trả tiền lãi phát sinh:

Hội đồng xét xử căn cứ vào Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân số 3442283 ngày 05/9/2024, bảng tóm tắt sao kê đề ngày 24/3/2025 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định:

Ngày 05/9/2024 Ngân hàng TMCP S đã phê duyệt và cấp thẻ tín dụng cho anh Phạm Duy H, số thẻ 970403-5627, với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Việc giao kết hợp đồng giữa Ngân hàng và anh H là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, căn cứ bảng tóm tắt sao kê các giao dịch đã thực hiện qua thẻ tín dụng thể hiện sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh H đã thực hiện các giao dịch tính đến hết ngày 24/3/2025 với số tiền là 50.000.000 đồng, phí (phí trễ hạn là 1.133.898 đồng, phí vượt hạn mức là 294.962 đồng và phí thường niên là 299.000 đồng) là 1.727.860 đồng, tiền lãi là 9.872.265 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, kể từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, anh H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.850.000 đồng. Từ tháng 12/2024 anh H đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi đến hạn cho Ngân hàng. Như vậy anh H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ thẻ tín dụng đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng theo như cam kết. Do anh H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 22/12/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của anh H và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu thành nợ gốc quá hạn vào ngày 22/12/2024 với số tiền là 58.263.513 đồng. Tính đến ngày 24/3/2025 anh H còn nợ Ngân hàng số tiền là 60.600.275 đồng (trong đó nợ gốc 58.263.513 đồng, nợ lãi quá hạn 2.336.762 đồng).

Xét thấy bị đơn anh Phạm Duy H vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng (bao gồm Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng cá nhân số 3442283 ngày 05/9/2024, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S1), do đó Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa buộc anh Phạm Duy H phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 24/3/2025 là 60.600.275 đồng (trong đó nợ gốc 58.263.513 đồng, nợ lãi quá hạn 2.336.762 đồng) và trả tiền lãi phát sinh từ ngày 25/3/2025 cho đến khi anh H thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng cá nhân đã ký là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 100, 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh H phải chịu 3.030.000 đồng.

[4] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, 463, 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

1. Buộc anh Phạm Duy H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc và lãi còn nợ tạm tính đến ngày 24/3/2025 là 60.600.275 đồng (trong đó nợ gốc 58.263.513 đồng, nợ lãi quá hạn 2.336.762 đồng).

Kể từ ngày 25/3/2025 anh H còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng cá nhân đã ký cho đến khi trả dứt nợ.

2. Về án phí:

2.1. Anh Phạm Duy H phải chịu 3.030.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.307.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001084 ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Quy Nhơn.

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP S và anh Phạm Duy H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- VKSND thành phố Quy Nhơn
- Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn
- Các đương sự
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Kim Anh

